

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Giồng Riềng
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 351/2025/HNGĐ- ST

Ngày 29/05/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Chi

2. Ông Hà Bửu Khánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 29 tháng 05 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2025 về vụ kiện: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bùi Phi N**, sinh năm 2003 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T A 2, xã T Đ A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

- Bị Đơn: Anh **Phan Văn K**, sinh năm 1997 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B X, xã T B, huyện G R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Bùi Phi N trình bày: Tôi và anh Phan Văn K chung sống với nhau vào năm 2022, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 23/04/2024 tại UBND xã T B, huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống, tôi và anh K có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 12 năm 2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh K chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, tôi có khuyên bảo anh K nhiều lần nhưng anh K không nghe, vẫn cứ như vậy. Từ đó vợ chồng bắt đầu có khoảng cách với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, tình cảm vợ chồng đã không còn. Do đó vợ chồng không thể hoà giải với nhau và gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024. Hiện nay cháu K đang chung sống với tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chỉ N yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn K.

Về quan hệ con chung: tôi yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024, tôi không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Phan Văn K trình bày:** Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 25/04/2025 của anh K trình bày: Tôi và cô Bùi Phi N chung sống với nhau vào năm 2022, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn vào ngày 23/04/2024 tại UBND xã T B, huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống, tôi và cô N có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 02 năm mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cuộc sống khó khăn nên vợ chồng tôi tôi thường xuyên cãi nhau. Từ đó vợ chồng bắt đầu quan điểm với nhau trong cuộc sống, tôi vẫn còn thương vợ, thương con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Tại Tòa án anh K yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi không đồng ý ly hôn với cô Bùi Phi N.

Về quan hệ con chung: tôi không đồng ý giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 cho cô N nuôi dưỡng. Tôi yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 và không yêu cầu cô N cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Phan Văn K với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và anh K đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị N về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn K là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh K chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, tôi có khuyên bảo anh K nhiều lần nhưng anh K không nghe, vẫn cứ như vậy. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của chị N xin được ly hôn với anh K được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về quan hệ con chung:** Chị N yêu cầu được nhận nuôi dưỡng cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Phan Tuấn K hiện nay mới chỉ 12 tháng tuổi, cháu còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và từ lúc chị N và anh K sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay thì cháu K luôn được chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ. Được biết hiện nay chị N đang làm việc tại Công ty TNHH Gia Hưng chuyên về sản xuất gỗ công nghiệp, mức lương hàng tháng của chị N là 6.249.000đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phan Tuấn K cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Phan Văn K về quan hệ hôn nhân: anh K không đồng ý ly hôn với chị Bùi Phi N là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh K hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do anh K không chăm lo cho cuộc sống gia đình, anh K chỉ biết ăn chơi, cờ bạc, vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, chị N có khuyên bảo anh K nhiều lần nhưng anh K không nghe, vẫn chứng nào tật ấy. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc hòa giải giữa chị N và anh K tại Tòa án không thành.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Phan Văn K.

[6] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Phan Văn K về quan hệ con chung: Anh K không đồng ý giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 cho chị N nuôi dưỡng, anh K yêu cầu được nhận nuôi cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Phan Tuấn K hiện nay mới chỉ 12 tháng tuổi, cháu còn quá nhỏ nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ và từ lúc chị N và anh K sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay thì cháu K luôn được chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đầy đủ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Phan Tuấn K cho chị N trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tối lui thăm nom con chung.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của anh Phan Văn K.

[7] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị N và anh K không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** chị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013032 ngày 20/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Bùi Phi N và anh Phan Văn K được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Tuấn K, sinh ngày 18/05/2024 cho chị Bùi Phi N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh Phan Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tối lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Bùi Phi N nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013032 ngày 20/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Chị N đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Bùi Phi N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho anh Phan Văn K biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Riềng.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật